

Bản án số: 38/2022/DSPT

Ngày: 05/01/2022

V/vtranh chấp hợp

đồngvay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Tuấn Anh.

- *Các Thẩm phán:* Ông Võ Công Phương

Ông Phan Minh Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:* Bà Võ Thị Lệ Giang- Kiểm sát viên *tham gia phiên tòa.*

Ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn Ch (chết ngày 06/5/2017)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị K; cư trú tại: Số 138/21 đường Y, phường Ea T, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2. Anh Trần Quang Kh; cư trú tại: xã Quảng Đ, huyện Krông A, tỉnh Đắk Lắk.

3. Anh Trần Đại L; cư trú tại: Thị trấn Buôn T, huyện Krông A, tỉnh Đắk Lắk.

4. Anh Trần Văn H; Tổ dân phố 7, phường Tân L, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

5. Anh Trần Quang H1; cư trú tại: xã Dun, huyện Chư S, tỉnh Gia Lai

6. Anh Trần Văn Th; cư trú tại: Số 138/21 đường Y, phường Ea T, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

7. Chị Trần Thị Bích Ng; cư trú tại: Thôn 2, xã Hòa T, phường Ea T, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

8. Anh Trần Quang Sơn; cư trú tại: Đội 10B, khu phố Mỹ Đ, thị trấn Tuy P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị K, anh Trần Quang Kh, anh Trần Đại L, anh Trần Văn H, anh Trần Quang H1, anh Trần Văn Th và chị Trần Thị Bích Ng: Anh Trần Quang S; cư trú tại: Đội 10B, thôn Mỹ Đ, thị trấn Tuy P, huyện T, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn:

1. Ông Bùi Văn Kh1; cư trú tại: Thôn Phú M, xã Tây P, huyện T, tỉnh Bình Định

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Th1 (chết ngày 04/12/2018)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân Th1:

- Anh Bùi Việt C

- Anh Bùi Việt C1

- Chị Bùi Thị Kim C2

Cùng cư trú tại: Thôn Phú M, xã Tây P, huyện T, tỉnh Bình Định

- Anh Bùi Việt C3; cư trú tại: Thôn Phú Th, xã Tây P, huyện T, tỉnh Bình Định

Người đại diện hợp pháp của anh Bùi Việt C, anh Bùi Việt C1, anh Bùi Việt Ch3 và chị Bùi Thị Kim C2: Ông Bùi Văn Kh1 (bị đơn trong vụ án) (theo văn bản ủy quyền ngày 28/12/2021)

- Người kháng cáo: ông Bùi Văn Kh1, anh Bùi Việt C3, anh Bùi Việt C1, anh Bùi Việt C và chị Bùi Thị Kim C2 - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Trần Quang S đồng thời là người đại diện hợp pháp của các thừa kế của nguyên ông Trần Văn Ch trình bày:

Cha anh là ông Trần Văn Ch – nguyên đơn trong vụ án đã chết vào ngày 06/5/2017 nên anh và các đồng thừa kế của ông Trần Văn Ch yêu cầu tiếp tục giải quyết vụ án theo như đơn khởi kiện của ông Ch đã được Tòa thụ lý.

Về nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Trần Quang S trình bày:

Ngày 12/03/2009, ông Bùi Văn Kh1 vay của ông Trần Văn Ch 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); ông Kh1 viết Giấy mượn tiền đề ngày 12/3/2009. Vì lúc đó ông Ch không có sẵn tiền nên đã đến Đại lý thu mua cà phê của vợ chồng ông Lê Quý T xin ứng trước tiền cho ông Kh1 vay và được vợ chồng ông T đồng ý. Khi vay, ông Kh1 đưa cho ông Ch giữ 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số 00798/M do UBND huyện T

cấp ngày 20/9/2001, 01 Giấy ủy quyền có xác nhận của UBND xã Tây P, 01 Sổ hộ khẩu (photo) và 01 chứng minh nhân dân (photo) có công chứng.

Ngày 13/03/2009, ông Kh1 lại hỏi ông Ch để vay tiếp 100.000.000 đồng (một trăm triệu). Ông Ch lại đến Đại lý thu mua cà phê của vợ chồng ông T để ứng tiếp 100.000.000 đồng (vì lý do vào ngày 12/03/2009 ông Ch hỏi ông T xin ứng 300.000.000 đồng nhưng ông T nói không đủ tiền nên đưa trước 200.000.000 đồng và hẹn hôm sau đưa tiếp 100.000.000 đồng). Ông Kh1 nhận tiền và viết Giấy nhận tiền với nội dung mượn của ông Ch số tiền 100.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng hai lần ông Ch cho ông Kh1 vay 300.000.000 đồng. Ông Kh1 mới trả được 10.000.000 đồng (chuyển khoản qua Ngân hàng) còn nợ 290.000.000 đồng. Mặc dù ông Ch đã đòi nhiều lần nhưng ông Kh1 không trả. Khoản vay này, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 (vợ ông Kh1) cũng biết và đồng ý.

Giấy tờ thế chấp của ông Kh1 hiện do anh quản lý gồm: 01 bản chính GCNQSDĐ số 00798/MQSDĐ/H12 do UBND huyện T cấp ngày 20/9/2001 tên người sử dụng Nguyễn Văn Đ đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Xuân Th1, 01 Sổ hộ khẩu (photo), 01 chứng minh nhân dân (photo) có công chứng, 01 Giấy ủy quyền có xác nhận của UBND xã Tây P ngày 24/12/2008 về việc bà Th1 ủy quyền cho ông Kh1 sử dụng GCNQSDĐ nói trên để làm tài sản thế chấp vay vốn.

Anh và các thừa kế của cha anh yêu cầu vợ chồng ông Bùi Văn Kh1 và bà Nguyễn Thị Xuân Th1 phải trả 290.000.000 đồng, yêu cầu trả lãi theo quy định pháp luật từ thời điểm TAND huyện T thụ lý vụ án (ngày 28/3/2017) đến khi trả xong nợ.

Bị đơn ông Bùi Văn Kh1 trình bày:

Ông thừa nhận ngày 12/3/2009, ông có viết giấy mượn ông Trần Văn Ch 200.000.000 đồng. Giấy mượn tiền có đóng dấu Công ty TNHH MTV Hoàn M nhưng ông xác nhận đây là nợ của cá nhân ông. Ông đã giao cho ông Ch GCNQSDĐ số 00798/MQSDĐ/H12 do UBND huyện T cấp ngày 20/9/2001, Giấy ủy quyền của bà Nguyễn Thị Xuân Th1 (vợ ông) để thế chấp vay. Vì lúc đó ông Ch không có tiền đưa cho ông nên hai bên thỏa thuận hủy bỏ Giấy mượn tiền ngày 12/3/2009 đồng thời ông Ch trả lại cho ông các giấy tờ ông đã đưa cho ông Ch trước đó còn Giấy mượn tiền 12/3/2009 do ông viết, ông không lấy về vì tin tưởng chỗ quen biết. Ngày hôm sau tức ngày 13/3/2009 ông hỏi ông Ch mượn tiền và viết cho ông Ch Giấy nhận tiền đề ngày 13/3/2009 với số tiền là 100.000.000 đồng, đồng thời giao cho ông Chiến các giấy tờ thế chấp. Như vậy, ông chỉ vay của ông Ch 100.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 13/3/2009.

Tháng 6/2012 âm lịch, tại nhà ông, vợ ông là bà Nguyễn Thị Xuân Thu đã trực tiếp trả cho ông Chiến 85.000.000 đồng. Việc trả tiền không viết giấy tờ nhưng có hai người làm chứng là anh Nguyễn Đây và anh Nguyễn Ngọc Đạm chứng kiến.

Ngày 26/7/2012 và ngày 27/8/2012, ông chuyển trả cho ông Ch thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh P - G mỗi lần 5.000.000 đồng, tổng cộng là 10.000.000 đồng nên chỉ còn nợ ông Ch

5.000.000 đồng. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi vợ chồng ông trả 300.000.000 đồng.

Anh chị Bùi Việt C3, Bùi Việt C, Bùi Việt C1 và Bùi Thị Kim C2: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không cung cấp ý kiến và yêu cầu đối với vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 25/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn (ông Trần Văn Ch) gồm Nguyễn Thị K, Trần Quang Kh, Trần Đại L, Trần Văn H, Trần Quang H1, Trần Văn Th, Trần Thị Bích Ng và Trần Quang S, tuyên xử:

- Buộc ông Bùi Văn Kh1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị K, anh Trần Quang Kh, anh Trần Đại L, anh Trần Văn H, anh Trần Quang H1, anh Trần Văn Th, chị Trần Thị Bích Ng, anh Trần Quang S (do anh Trần Quang S đại diện nhận) số tiền: 200.390.000 đồng (*Hai trăm triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng*) về ½ khoản nợ vay theo Giấy mượn tiền ngày 12/3/2009 và Giấy nhận tiền ngày 13/3/2009 chưa thanh toán; trong đó: tiền gốc là 145.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng*); tiền lãi đến ngày 25/6/2021 là 55.390.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng*).

- Buộc ông Bùi Văn Kh1 và các anh chị Bùi Việt C3, Bùi Việt C, Bùi Việt C1 và Bùi Thị Kim C2 có nghĩa vụ liên đới trả cho các ông bà Nguyễn Thị K, Trần Quang Kh, Trần Đại L, Trần Văn H, Trần Quang H1, Trần Văn Th, Trần Thị Bích Ng, Trần Quang S (do ông Trần Quang S đại diện nhận) với số tiền: 200.390.000 đồng (*Hai trăm triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng*) về ½ khoản nợ vay theo Giấy mượn tiền ngày 12/3/2009 và Giấy nhận tiền ngày 13/3/2009 chưa thanh toán (phần nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Xuân Th1); trong đó: tiền gốc là 145.000.000đ ồng (*Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng*); tiền lãi đến ngày 25/6/2021 là 55.390.000đồng (*Năm mươi lăm triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng*).

- Bác yêu cầu của vợ chồng ông Bùi Văn Kh1 - bà Nguyễn Thị Xuân Th1 cho rằng chỉ mượn ông Kh1 số tiền 100.000.000 đồng, đã trả được 95.000.000 đồng và hiện còn nợ 5.000.000 đồng vì không có chứng cứ để chứng minh, không phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

- Buộc ông Trần Quang S phải trả lại cho vợ chồng ông Bùi Văn Kh1 - bà Nguyễn Thị Xuân Th1: 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00798/MQSDĐ/H12 do UBND huyện T cấp ngày 20/9/2001 tên người sử dụng Nguyễn Văn Đ đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Xuân Th1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 05 tháng 7 năm 2021, bị đơn ông Bùi Văn Kh1, anh Bùi Việt C3, anh Bùi Việt C1, anh Bùi Việt C và chị Bùi Thị Kim C2 kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì Tòa án sơ thẩm xem xét đánh giá chứng cứ không khách

quan, không đúng bản chất sự việc, thu thập chứng cứ không đúng, không đầy đủ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của anh Trần Quang S và ông Bùi Văn Kh1: Ông Kh1 có trách nhiệm trả cho các thừa kế của ông Trần Văn Ch số tiền 250.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 05/01/2022; anh S phải trả lại cho ông Kh1 hai GCNQSDĐ đứng tên Nguyễn Văn Đ và GCNQSDĐ đứng tên Nguyễn Thị Xuân Th1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Trần Quang S đồng thời là người đại diện theo ủy quyền các thừa kế của nguyên đơn ông Trần Văn Ch (chết ngày 06/5/2017) với bị đơn ông Bùi Văn Kh1 thỏa thuận về việc giải quyết vụ án như sau:

Ông Bùi Văn Kh1 có trách nhiệm trả cho các thừa kế của ông Trần Văn Ch số tiền 250.000.000 đồng (do anh Trần Quang S đại diện nhận) trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 05/01/2022.

Anh Trần Quang S phải trả cho ông Bùi Văn Kh1 các giấy tờ gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00798/MQSDĐ/H12 do UBND huyện T cấp ngày 20/9/2001 tên người sử dụng Nguyễn Văn Đ (bản chính) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00172/M QSDĐ/H12 do UBND huyện T cấp ngày 10/11/1993 tên người sử dụng Nguyễn Thị Xuân Th1 (bản chính).

Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên theo quy định tại Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận trên của các đương sự.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Văn Kh1 là người cao tuổi nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Kh1 được miễn toàn bộ.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326, anh Bùi Việt C3, anh Bùi Việt C1, anh Bùi Việt C và chị Bùi Thị Kim C2 phải chịu 300.000 đồng.

Ông Bùi Văn Kh1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm (do ông Kh1 là người cao tuổi).

[4]Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của anh Trần Quang S và ông Bùi Văn Kh1, ông Kh1 trả cho các thừa kế của ông Trần Văn Ch số tiền 250.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 05/01/2021; anh S phải trả lại cho ông Kh1 GCNQSDĐ đứng tên Nguyễn Văn Đ và GCNQSDĐ đứng tên Nguyễn Thị Xuân Th1 là phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 463 Bộ luật Dân sự; Sửa bản án sơ thẩm.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Ông Bùi Văn Kh1 có trách nhiệm trả cho các thừa kế của ông Trần Văn Ch gồm: Bà Nguyễn Thị K, anh Trần Quang Kh, anh Trần Đại L, anh Trần Văn H, anh Trần Quang H1, anh Trần Văn Th, chị Trần Thị Bích Ng, anh Trần Quang S số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu) (do anh Trần Quang S đại diện nhận). Thời hạn trả nợ là 03 tháng kể từ ngày 05/01/2022.

2. Anh Trần Quang S phải trả cho ông Bùi Văn Kh1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00798/MQSDĐ/H12 do UBND huyện T cấp ngày 20/9/2001 tên người sử dụng Nguyễn Văn Đ (bản chính) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00172/M QSDĐ/H12 do UBND huyện T cấp ngày 10/11/1993 tên người sử dụng Nguyễn Thị Xuân Th1.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Văn Kh1 được miễn toàn bộ

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

4.1 Ông Bùi Văn Kh1 được miễn toàn bộ. Hoàn lại cho ông Kh1 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0006895 ngày 12/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4.2 Anh Bùi Việt C3, anh Bùi Việt C, anh Bùi Việt C1 và chị Bùi Thị Kim C2 phải chịu 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai 0006896 ngày 12/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, hội đồng xét xử không giải quyết có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

5.1 Kể từ ngày bản án quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Tuấn Anh